



CanChild Centre for Childhood Disability Research Institute  
for Applied Health Sciences, McMaster University, 1400 Main  
Street West, Room 408, Hamilton, ON, Canada L8S 1C7  
Tel: 905-525-9140 ext. 27850 Fax: 905 522-6095  
E-mail: canchild@mcmaster.ca Website: www.canchild.ca

## GMFCS – E & R

### Hệ thống phân loại chức năng vận động thô

### Được chỉnh sửa và mở rộng

GMFCS - E & R © Robert Palisano, Peter Rosenbaum, Doreen Bartlett, Michael Livingston, 2007  
CanChild Centre for Childhood Disability Research, McMaster University

GMFCS © Robert Palisano, Peter Rosenbaum, Stephen Walter, Dianne Russell, Ellen Wood, Barbara Galuppi,  
1997 CanChild Centre for Childhood Disability Research, McMaster University  
(Reference: Dev Med Child Neurol 1997;39:214-223)

## GIỚI THIỆU & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Hệ thống phân loại chức năng vận động thô (GMFCS) cho trẻ bại não dựa trên cử động tự phát, nhấn mạnh vào việc ngồi, dịch chuyển, và di chuyển. Khi định nghĩa một hệ thống phân loại có năm mức độ, tiêu chí chính của chúng tôi là phải đảm bảo rằng sự khác biệt giữa các mức độ phải có ý nghĩa trong cuộc sống hàng ngày. Những khác biệt dựa trên những hạn chế về chức năng, nhu cầu sử dụng các dụng cụ di chuyển cầm tay (ví dụ như khung đi, nạng hoặc gậy) hoặc di chuyển bằng dụng cụ có bánh xe, với mức độ thấp hơn nhiều, chất lượng cử động. Sự khác biệt giữa mức độ I và mức độ II không rõ ràng như sự khác biệt giữa các mức độ khác, đặc biệt đối với trẻ nhỏ dưới 2 tuổi.

GMFCS mở rộng (2007) bao gồm nhóm tuổi dành cho thanh thiếu niên từ 12 đến 18 tuổi và nhấn mạnh các khái niệm vốn có trong Phân loại Quốc tế về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe (ICF) của Tổ chức Y tế Thế giới. Chúng tôi khuyến khích người dùng nhận thức được tác động mà các yếu tố môi trường và cá nhân có thể gây ra đối với trẻ và thanh thiếu niên được quan sát hoặc ghi nhận. Trọng tâm của GMFCS là xác định mức độ nào thể hiện tốt nhất khả năng và hạn chế hiện tại của trẻ hoặc thanh thiếu niên về chức năng vận động thô. Nhấn mạnh vào sự thực hiện thường ngày ở nhà, trường học và môi trường cộng đồng (nghĩa là những gì họ làm), hơn là những gì họ được biết là có thể làm tốt nhất (khả năng). Do đó, điều quan trọng là phân loại sự thực hiện trong chức năng vận động thô và không bao gồm các đánh giá về chất lượng cử động hoặc tiên lượng cải thiện.

Tiêu đề của mỗi mức độ là phương thức di chuyển đặc trưng nhất cho khả năng thực hiện sau 6 tuổi. Những mô tả về khả năng và hạn chế trong hoạt động chức năng cho từng khoảng tuổi là quá rộng và không được thiết kế để miêu tả tất cả khía cạnh của hoạt động chức năng của từng trẻ/ thanh thiếu niên. Ví dụ, một trẻ nhỏ liệt nửa người không thể bò bằng tay và gối, nhưng lại phù hợp với mô tả ở Mức độ I (nghĩa là có thể đứng lên và đi), sẽ được phân loại vào Mức độ I. Thang điểm được sắp xếp theo thứ tự, nhưng không có nghĩa là khoảng cách giữa các mức độ được xem là bằng nhau; các trẻ và thanh thiếu niên bại não được phân bố đều ở trên cả năm mức độ. Một bản tóm tắt về sự khác biệt giữa mỗi cặp mức độ được cung cấp để hỗ trợ xác định mức độ gần giống nhất với chức năng vận động thô hiện tại của trẻ/thanh thiếu niên.

Chúng tôi nhận thấy rằng các biểu hiện của chức năng vận động thô phụ thuộc vào độ tuổi, đặc biệt là trong giai đoạn sơ sinh và thời thơ ấu. Đối với mỗi mức độ, các mô tả riêng biệt được cung cấp theo nhiều độ tuổi. Trẻ dưới 2 tuổi nên được xem xét ở độ tuổi đã điều chỉnh nếu trẻ sinh non. Các mô tả dành cho các nhóm tuổi từ 6 đến 12 và từ 12 đến 18 tuổi phản ánh tác động tiềm ẩn của các yếu tố môi trường (ví dụ: khoảng cách trong trường học và cộng đồng) và các yếu tố cá nhân (ví dụ: nhu cầu sử dụng năng lượng và sở thích xã hội) đối với các phương thức di chuyển.

Một nỗ lực đã được thực hiện để nhấn mạnh những khả năng hơn là những hạn chế. Do đó, theo nguyên tắc chung, chức năng vận động thô của trẻ và thanh thiếu niên có khả năng thực hiện các chức năng được mô tả ở bất kỳ mức độ cụ thể nào có thể sẽ được phân loại bằng hoặc cao hơn mức độ chức năng đó; ngược lại, chức năng vận động thô của trẻ và thanh thiếu niên không thể thực hiện các chức năng ở mức độ cụ thể nên được phân loại thấp hơn mức độ chức năng đó.

## CÁC ĐỊNH NGHĨA VỀ HOẠT ĐỘNG

**Khung đi nâng đỡ cơ thể** – Một dụng cụ di chuyển hỗ trợ xương chậu và thân mình. Trẻ/ thanh thiếu niên được người khác đặt vào trong khung đi.

**Dụng cụ di chuyển cầm tay** – Gậy, nạng, khung đi đẩy về phía trước hoặc kéo từ phía sau không hỗ trợ thân người khi đi lại.

**Sự hỗ trợ về thể chất** – Một người khác dùng tay hỗ trợ trẻ/ thanh thiếu niên di chuyển.

**Dụng cụ di chuyển có động cơ** – Trẻ/ thanh thiếu niên chủ động điều khiển cần điều khiển hoặc công tắc điện để có thể di chuyển độc lập. Dụng cụ di chuyển có thể là xe lăn, xe máy hoặc loại dụng cụ di chuyển có động cơ khác.

**Xe lăn tự vận hành bằng tay** – Trẻ/ thanh thiếu niên chủ động sử dụng cánh tay và bàn tay hoặc bàn chân để đẩy bánh xe và di chuyển.

**Được vận chuyển** – Một người đẩy dụng cụ di chuyển bằng tay (ví dụ: xe lăn hoặc xe đẩy, xe đẩy trẻ em) để di chuyển trẻ/ thanh thiếu niên từ nơi này sang nơi khác.

**Đi bộ** – Trừ khi có chỉ định khác, không có sự hỗ trợ về thể chất nào từ người khác hoặc bất kỳ việc sử dụng dụng cụ di chuyển cầm tay nào. Có thể mang dụng cụ chỉnh hình (nghĩa là nẹp hoặc thanh nẹp).

**Dụng cụ di chuyển có bánh xe** – Đề cập đến bất kỳ loại dụng cụ nào có bánh xe cho phép di chuyển (ví dụ: xe đẩy, xe lăn bằng tay hoặc xe lăn điện).

## TIÊU ĐỀ CHUNG CHO TỪNG MỨC ĐỘ

**MỨC ĐỘ I** - Đi lại không có hạn chế

**MỨC ĐỘ II** - Đi lại có hạn chế

**MỨC ĐỘ III** - Đi lại có sử dụng dụng cụ di chuyển cầm tay

**MỨC ĐỘ IV** - Tự di chuyển có hạn chế; Có thể cần sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ

**MỨC ĐỘ V** - Được vận chuyển trên xe lăn bằng tay

## SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC MỨC ĐỘ

**Sự khác biệt giữa Mức độ I và Mức độ II** - So với trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ I, trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ II có những hạn chế khi đi bộ đường dài và giữ thăng bằng; có thể cần một dụng cụ di chuyển cầm tay khi lần đầu tập đi; có thể sử dụng dụng cụ di chuyển có bánh xe khi di chuyển quãng đường dài ngoài trời và trong cộng đồng; yêu cầu sử dụng thanh vịn để lên xuống cầu thang; và không có khả năng chạy và nhảy.

**Sự khác biệt giữa Mức độ II và Mức độ III** - Trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ II có khả năng đi lại mà không cần dụng cụ di chuyển cầm tay sau 4 tuổi (mặc dù đôi khi các em có thể chọn sử dụng dụng cụ này). Trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ III cần dụng cụ di chuyển cầm tay để đi lại trong nhà và sử dụng dụng cụ di chuyển có bánh xe ngoài trời và trong cộng đồng.

**Sự khác biệt giữa Mức độ III và Mức độ IV** - Trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ III tự ngồi hoặc cần sự hỗ trợ tối thiểu từ bên ngoài để ngồi, độc lập hơn khi di chuyển tư thế đứng và đi lại bằng dụng cụ di chuyển cầm tay. Trẻ và thanh thiếu niên ở mức độ IV có chức năng ngồi (thường được hỗ trợ) nhưng khả năng tự di chuyển bị hạn chế. Trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ IV có nhiều khả năng được vận chuyển bằng xe lăn bằng tay hoặc sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ.

**Sự khác biệt giữa Mức độ IV và Mức độ V** - Trẻ và thanh thiếu niên ở Mức độ V có những hạn chế nghiêm trọng trong việc kiểm soát đầu và thân, cần có nhiều công nghệ hỗ trợ cũng như hỗ trợ về thể chất. Khả năng tự di chuyển chỉ đạt được nếu trẻ/ thanh thiếu niên có thể học cách vận hành xe lăn điện.

## **TRƯỚC SINH NHẬT 2 TUỔI**

**MỨC ĐỘ I:** Trẻ nhỏ di chuyển ra vào chỗ ngồi và ngồi trên sàn với cả hai tay tự do để thao tác với đồ vật. Trẻ nhỏ bò bằng tay và gối, vịn để đứng và khi bước cần vịn vào các đồ dùng trong nhà. Từ 18 tháng đến 2 tuổi, trẻ nhỏ đi lại mà không cần bất kỳ dụng cụ hỗ trợ di chuyển nào.

**MỨC ĐỘ II:** Trẻ nhỏ duy trì tư thế ngồi trên sàn nhưng có thể cần dùng tay để hỗ trợ để giữ thẳng bằng. Trẻ nhỏ trườn bò bằng bụng hoặc bò bằng tay và gối. Trẻ nhỏ có thể vịn để đứng và khi bước cần vịn vào các đồ dùng trong nhà.

**MỨC ĐỘ III:** Trẻ nhỏ duy trì tư thế ngồi trên sàn khi lưng dưới được hỗ trợ. Trẻ nhỏ lăn và trườn về phía trước bằng bụng.

**MỨC ĐỘ IV:** Trẻ nhỏ có khả năng kiểm soát đầu nhưng cần có hỗ trợ thân mình để ngồi trên sàn. Trẻ có thể lăn sang nằm ngửa và có thể lăn sang nằm sấp.

**MỨC ĐỘ V:** Suy giảm thể chất hạn chế khả năng kiểm soát vận động chủ ý. Trẻ nhỏ không thể duy trì tư thế đầu và thân đối trọng lực khi nằm sấp và ngồi. Trẻ nhỏ cần có sự trợ giúp của người lớn để lăn.

## **TỪ 2 ĐẾN SINH NHẬT 4 TUỔI**

**MỨC ĐỘ I:** Trẻ ngồi trên sàn với cả hai tay tự do để thao tác với đồ vật. Các chuyển động ngồi và đứng lên từ sàn được thực hiện mà không cần sự trợ giúp của người lớn. Đi bộ là phương thức di chuyển ưu tiên của trẻ mà không cần bất kỳ dụng cụ hỗ trợ di chuyển nào.

**MỨC ĐỘ II:** Trẻ ngồi trên sàn nhưng có thể gặp khó khăn trong việc giữ thẳng bằng khi cả hai tay được tự do thao tác với đồ vật. Các chuyển động ra vào chỗ ngồi được thực hiện mà không cần sự trợ giúp của người lớn. Trẻ vịn để đứng trên một bề mặt ổn định. Trẻ bò bằng tay và gối theo kiểu luân phiên, di chuyển vịn vào các đồ dùng trong nhà và đi bằng dụng cụ hỗ trợ di chuyển là phương thức di chuyển ưu tiên.

**MỨC ĐỘ III:** Trẻ thường xuyên duy trì tư thế ngồi trên sàn bằng cách "ngồi chữ W" (ngồi hông, gối gập và xoay trong) và có thể cần sự trợ giúp của người lớn để thực hiện tư thế ngồi. Trẻ trườn hoặc bò bằng tay và gối (thường không cử động luân phiên chân) là phương thức tự di chuyển chính của trẻ. Trẻ có thể vịn để đứng trên bề mặt ổn định và di chuyển quãng đường ngắn. Trẻ có thể đi bộ một quãng ngắn trong nhà bằng dụng cụ di chuyển cầm tay (khung đi) và sự trợ giúp của người lớn trong việc điều hướng và chuyển hướng.

**MỨC ĐỘ IV:** Trẻ ngồi trên sàn khi được đặt nhưng không thể giữ sự thẳng hàng và giữ thẳng bằng nếu không dùng tay để hỗ trợ. Trẻ thường xuyên cần có dụng cụ thích nghi để ngồi và đứng. Khả năng tự di chuyển trong khoảng cách ngắn (trong phòng) đạt được bằng cách lăn, trườn hoặc bò bằng tay và gối mà không cử động chân luân phiên.

**MỨC ĐỘ V:** Suy giảm thể chất ngăn cản kiểm soát vận động chủ ý và khả năng duy trì tư thế đầu và cổ đối trọng lực. Tất cả lĩnh vực chức năng vận động đều hạn chế. Sự hạn chế về chức năng trong khi ngồi và đứng không được bù trừ đủ thông qua việc sử dụng các dụng cụ thích nghi và công nghệ hỗ trợ. Ở mức độ V, trẻ không cử động độc lập và phải được vận chuyển. Một số trẻ có thể tự di chuyển bằng cách sử dụng xe lăn điện có khả năng thích nghi rộng rãi.

## **TỪ 4 ĐẾN SINH NHẬT 6 TUỔI**

**MỨC ĐỘ I:** Trẻ có thể ra vào và ngồi vào ghế mà không cần tay hỗ trợ. Trẻ di chuyển từ sàn nhà, từ ghế ngồi sang đứng mà không cần dụng cụ hỗ trợ. Trẻ đi trong nhà và ngoài trời, leo cầu thang. Mới bắt đầu khả năng chạy và nhảy.

**MỨC ĐỘ II:** Trẻ ngồi trên ghế với cả hai tay tự do để thao tác với đồ vật. Trẻ di chuyển từ sàn sang đứng và từ ghế ngồi sang đứng nhưng thường cần có bề mặt ổn định để dùng tay đẩy hoặc kéo lên. Trẻ đi bộ mà không cần dụng cụ di chuyển cầm tay trong nhà và đi những quãng đường ngắn trên các bề mặt ngoài trời. Trẻ leo cầu thang vịn vào thanh vịn nhưng không thể chạy hoặc nhảy.

**MỨC ĐỘ III:** Trẻ ngồi trên ghế thông thường nhưng có thể cần hỗ trợ vùng chậu hoặc thân mình để phát huy tối đa chức năng của bàn tay. Trẻ di chuyển ra vào ghế khi ngồi sử dụng một bề mặt ổn định để đẩy hoặc kéo lên bằng tay. Trẻ đi lại với dụng cụ di chuyển cầm tay trên bề mặt phẳng và leo cầu thang với sự hỗ trợ của người lớn. Trẻ thường xuyên được vận chuyển khi di chuyển đường dài hoặc ngoài trời trên địa hình không bằng phẳng.

**MỨC ĐỘ IV:** Trẻ ngồi trên ghế nhưng cần có chỗ ngồi thích nghi để kiểm soát thân và phát huy tối đa chức năng của tay. Trẻ di chuyển ra vào ghế khi ngồi với sự trợ giúp của người lớn hoặc một bề mặt ổn định để đẩy hoặc kéo lên bằng tay. Trẻ có thể đi bộ tốt nhất những quãng đường ngắn với khung đi và sự giám sát của người lớn nhưng gặp khó khăn khi xoay người và giữ thẳng bằng trên các bề mặt không bằng phẳng. Trẻ được vận chuyển trong cộng đồng. Trẻ có thể tự di chuyển bằng xe lăn điện.

**MỨC ĐỘ V:** Suy giảm thể chất hạn chế khả năng kiểm soát vận động chủ ý và khả năng duy trì tư thế đầu và thân đối trọng lực. Tất cả các lĩnh vực chức năng vận động đều bị hạn chế. Những hạn chế về chức năng khi ngồi và đứng không được bù trừ đủ thông qua việc sử dụng các dụng cụ thích nghi và công nghệ hỗ trợ. Ở mức độ V, trẻ không cử động độc lập và phải được vận chuyển. Một số trẻ có thể tự di chuyển bằng cách sử dụng xe lăn điện có khả năng thích nghi rộng rãi.

## TỪ 6 ĐẾN SINH NHẬT 12 TUỔI

**MỨC ĐỘ I:** Trẻ đi lại ở nhà, ở trường, ngoài trời và trong cộng đồng. Trẻ có thể đi lên xuống lề đường mà không cần sự hỗ trợ về thể chất và đi cầu thang mà không cần dùng thanh vịn. Trẻ thực hiện các kỹ năng vận động thô như chạy, nhảy nhưng tốc độ, khả năng giữ thăng bằng và điều hợp còn hạn chế. Trẻ có thể tham gia các hoạt động thể chất, thể thao tùy thuộc vào lựa chọn cá nhân và yếu tố môi trường.

**MỨC ĐỘ II:** Trẻ đi lại trong hầu hết các môi trường. Trẻ có thể gặp khó khăn khi đi bộ quãng đường dài và giữ thăng bằng trên địa hình không bằng phẳng, đường dốc, ở khu vực đông người, không gian chật hẹp hoặc khi mang vác đồ vật. Trẻ lên xuống cầu thang vịn vào thanh vịn hoặc được hỗ trợ nếu không có thanh vịn. Ngoài trời và trong cộng đồng, trẻ có thể đi bộ với sự hỗ trợ về thể chất, dụng cụ di chuyển cầm tay hoặc sử dụng dụng cụ di chuyển có bánh xe khi di chuyển đường dài. Trẻ có khả năng tối thiểu khi thực hiện các kỹ năng vận động thô như chạy và nhảy. Những hạn chế trong việc thực hiện các kỹ năng vận động thô có thể đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao.

**MỨC ĐỘ III:** Trẻ đi lại bằng dụng cụ di chuyển cầm tay ở hầu hết các môi trường trong nhà. Khi ngồi, trẻ có thể cần thắt dây an toàn giữ sự thẳng hàng và giữ thăng bằng cho vùng chậu. Việc chuyển tư thế ngồi sang đứng và từ sàn sang đứng cần có sự hỗ trợ về thể chất của một người hoặc bề mặt hỗ trợ. Khi di chuyển đường dài, trẻ sử dụng các loại dụng cụ có bánh xe. Trẻ có thể đi lên xuống cầu thang vịn vào thanh vịn với sự giám sát hoặc sự hỗ trợ về thể chất. Những hạn chế trong việc đi lại có thể đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao bao gồm xe lăn tự vận hành bằng tay hoặc dụng cụ di chuyển có động cơ.

**MỨC ĐỘ IV:** Trẻ sử dụng các cách thức di chuyển cần sự hỗ trợ về thể chất hoặc dụng cụ di chuyển có động cơ trong hầu hết các môi trường. Trẻ cần có chỗ ngồi thích nghi để kiểm soát thân mình và xương chậu cũng như sự hỗ trợ về thể chất trong hầu hết các lần di chuyển. Ở nhà, dùng cách di chuyển trên sàn (lăn, trườn hoặc bò), đi lại quãng đường ngắn với sự hỗ trợ về thể chất hoặc sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ. Khi được đặt vào tư thế, trẻ có thể sử dụng khung đi hỗ trợ cơ thể ở nhà hoặc trường học. Ở trường, ngoài trời và trong cộng đồng, trẻ được vận chuyển bằng xe lăn bằng tay hoặc dụng cụ di chuyển có động cơ. Những hạn chế về khả năng di chuyển đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao, bao gồm sự hỗ trợ về thể chất và/hoặc dụng cụ di chuyển có động cơ.

**MỨC ĐỘ V:** Trẻ được vận chuyển bằng xe lăn tay ở mọi môi trường. Trẻ bị hạn chế về khả năng duy trì các tư thế đầu và thân đối trọng lực cũng như kiểm soát các cử động của tay và chân. Công nghệ hỗ trợ được sử dụng để cải thiện sự thẳng hàng của đầu, vị thế ngồi, đứng và/hoặc khả năng di chuyển nhưng những hạn chế không được bù trừ đủ bởi dụng cụ. Sự dịch chuyển cần có sự hỗ trợ về thể chất hoàn toàn của người lớn. Ở nhà, trẻ có thể di chuyển một quãng ngắn trên sàn hoặc có thể được người lớn bế. Trẻ có thể đạt được khả năng tự di chuyển bằng cách sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ với khả năng thích nghi rộng rãi về chỗ ngồi và quyền kiểm soát. Những hạn chế về khả năng di chuyển đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao bao gồm sự hỗ trợ về thể chất và sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ.

## TỪ 12 ĐẾN SINH NHẬT 18 TUỔI

**MỨC ĐỘ I:** Thanh thiếu niên đi lại ở nhà, ở trường, ngoài trời và trong cộng đồng. Thanh thiếu niên có thể đi lên xuống lề đường mà không cần sự hỗ trợ về thể chất và đi cầu thang bộ mà không cần sử dụng thanh vịn. Thanh thiếu niên thực hiện các kỹ năng vận động thô như chạy và nhảy nhưng tốc độ, khả năng giữ thăng bằng và điều hợp còn hạn chế. Thanh thiếu niên có thể tham gia các hoạt động thể chất, thể thao tùy thuộc vào lựa chọn cá nhân và yếu tố môi trường.

**MỨC ĐỘ II:** Thanh thiếu niên đi lại trong hầu hết các môi trường. Các yếu tố môi trường (ví dụ như địa hình không bằng phẳng, độ dốc, khoảng cách xa, nhu cầu về thời gian, thời tiết và khả năng chấp nhận của bạn đồng trang lứa) và sở thích cá nhân ảnh hưởng đến lựa chọn di chuyển. Ở trường hoặc nơi làm việc, thanh thiếu niên có thể đi bộ với các dụng cụ di chuyển cầm tay để đảm bảo an toàn. Ngoài trời và trong cộng đồng, thanh thiếu niên có thể sử dụng dụng cụ di chuyển có bánh xe khi di chuyển đường dài. Thanh thiếu niên đi lên xuống cầu thang phải có thanh vịn hoặc có sự hỗ trợ về thể chất nếu không có thanh vịn. Những hạn chế trong việc thực hiện các kỹ năng vận động thô có thể đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao.

**MỨC ĐỘ III:** Thanh thiếu niên có khả năng đi lại bằng dụng cụ di chuyển cầm tay. So với các cá nhân ở mức độ khác, thanh thiếu niên ở mức độ III thể hiện sự đa dạng hơn trong các phương thức di chuyển tùy thuộc vào khả năng thể chất cũng như các yếu tố môi trường và cá nhân. Khi ngồi, thanh thiếu niên có thể cần thắt dây an toàn để giữ sự thẳng trục cho chậu và sự thăng bằng. Việc chuyển tư thế ngồi sang đứng và từ sàn sang đứng cần có sự hỗ trợ về thể chất từ một người hoặc bề mặt hỗ trợ. Ở trường, thanh thiếu niên có thể tự lái xe lăn bằng tay

hoặc sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ. Ngoài trời và trong cộng đồng, thanh thiếu niên được vận chuyển bằng xe lăn hoặc sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ. Thanh thiếu niên có thể đi lên xuống cầu thang vịn vào thanh vịn với sự giám sát hoặc sự hỗ trợ về thể chất. Những hạn chế trong việc đi bộ có thể đòi hỏi phải có những thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao, bao gồm xe lăn tự vận hành bằng tay hoặc dụng cụ di chuyển có động cơ.

**MỨC ĐỘ IV:** Thanh thiếu niên sử dụng dụng cụ di chuyển có bánh xe trong hầu hết các môi trường. Thanh thiếu niên cần có chỗ ngồi thích nghi để kiểm soát vùng chậu và thân. Cần có sự hỗ trợ về thể chất từ 1 hoặc 2 người để di chuyển. Thanh thiếu niên có thể chịu sức hai chân để hỗ trợ việc chuyển tư thế đứng. Trong nhà, thanh thiếu niên có thể đi bộ những quãng đường ngắn với sự hỗ trợ về thể chất, sử dụng dụng cụ di chuyển có bánh xe hoặc khi đã đặt vị thế, sử dụng khung đi hỗ trợ cơ thể. Thanh thiếu niên có khả năng thể chất để vận hành một chiếc xe lăn có động cơ. Khi xe lăn điện không khả thi hoặc không có sẵn, thanh thiếu niên sẽ được vận chuyển bằng xe lăn bằng tay. Những hạn chế về khả năng di chuyển đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao, bao gồm sự hỗ trợ về thể chất và/hoặc khả năng di chuyển các dụng cụ di chuyển có động cơ.

**MỨC ĐỘ V:** Thanh thiếu niên được vận chuyển bằng xe lăn bằng tay trong mọi môi trường. Thanh thiếu niên bị hạn chế về khả năng duy trì tư thế đầu và thân đối trọng lực cũng như kiểm soát các chuyển động của tay và chân. Công nghệ hỗ trợ được sử dụng để cải thiện sự thẳng hàng của đầu, tư thế ngồi, đứng và khả năng di chuyển nhưng những hạn chế không được bù trừ đủ bằng dụng cụ. Cần có sự hỗ trợ về thể chất từ 1 hoặc 2 người hoặc dụng cụ nâng cơ học để di chuyển. Thanh thiếu niên có thể đạt được khả năng tự di chuyển bằng cách sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ với các khả năng thích nghi rộng rãi về chỗ ngồi và khả năng tiếp cận điều khiển. Những hạn chế về khả năng di chuyển đòi hỏi phải có sự thích nghi để có thể tham gia các hoạt động thể chất và thể thao bao gồm cả sự hỗ trợ về thể chất và sử dụng dụng cụ di chuyển có động cơ.